TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2026/DS-ST
Ngày 06.-5-2026
V/v "Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thoa

Ông Phạm Văn Dung

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Hải Hoa - Cán bộ Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 353/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp "Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2026/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Hằng N, sinh năm 2004; căn cước công dân số 231304005064; nơi cư trú: Số B N, xã A, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của chị N: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1989, căn cước công dân số 036198003086; bà Hoàng Minh P, sinh năm 1994; căn cước công dân số 031194017313, là Luật sư Công ty L; địa chỉ: Tầng B, số A B, phường H, thành phố Hải Phòng (là người đại diện theo ủy quyền theo hợp đồng ủy quyền ngày 05/9/2025); có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân V, sinh năm 1953; căn cước công dân số 031053002990; nơi cư trú: Số E, N, xã A, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của ông V: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1966; căn cước công dân số 031166000169. địa chỉ: Thôn H, xã A, thành phố Hải Phòng (là người đại diện theo ủy quyền theo hợp đồng ủy quyền ngày 25/11/2025); có mặt.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn là bà Đỗ Hằng N và người đại diện theo ủy quyền của chị N trình bày:

Chị Đỗ Hằng N là chủ sử dụng của thửa đất số: 206 A1+235, tờ bản đồ số: 195-D-IV, diện tích đất: 238m², địa chỉ: Khu H, thị trấn A, huyện A (nay là xã A), TP Hải Phòng. Thửa đất trên có nguồn gốc thuộc thửa đất lớn diện tích 746,85m² do bà Phạm Thị X (đã chết) quản lý, sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BĐ 138649 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho bà Phạm Thị X. Bà X chuyển nhượng diện tích đất: 238m² (nay là thửa đất số: 206 A1+235) cho bà Vũ Hồng C. Bà Vũ Hồng C đã được Ủy ban nhân dân huyện A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BĐ 138643 ngày 24/6/2011 đối với thửa đất số: 206 A1+235, tờ bản đồ số: 195-D-IV, diện tích đất: 238m², địa chỉ: Khu H, xã A, TP Hải Phòng. Sau đó, bà Vũ Hồng C đã tặng cho toàn bộ thửa đất trên cho chị Đỗ Hằng N và chị N đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện A chỉnh lý biến động là chủ sử dụng đất trên trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BĐ 138643 vào ngày 07/11/2023. Thực hiện quyền của người sử dụng đất, chị N đã xây dựng tường bao xung quanh thửa đất số: 206 A1+235, tờ bản đồ số: 195-D-IV theo đúng diện tích đất đã được cấp trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BĐ 138643 ngày 24/6/2011. Tuy nhiên, con trai của bà Phạm Thị X là ông Nguyễn Xuân V đã gửi đơn tới Ủy ban nhân dân xã A với nội dung gia đình chị N xây dựng tường bao lấn sang đất thuộc quyền sử dụng của bà Phạm Thị X, đồng thời ngăn cản không cho gia đình chị N xây dựng, làm thủ tục mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Ủy ban nhân dân thị trấn A đã tổ chức buổi làm việc ngày 17/6/2025 để giải quyết đơn của ông Nguyễn Xuân V, theo đó khi chuyển nhượng cho bà Vũ Hồng C diện tích đất: 238m², diện tích đất thuộc quyền sử dụng của bà Phạm Thị X1 còn lại là: 508,25m², tuy nhiên trên diện tích đất gia đình bà Phạm Thị X (do ông Nguyễn Xuân V quản lý, sử dụng) trên thực tế hiện nay là: 521,8m², lớn hơn diện tích đất gia đình bà Phạm Thị X được cấp trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy gia đình ông Nguyễn Xuân V đang sử dụng diện tích đất nhiều hơn diện tích đất đã được cấp trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn chị Đỗ Hằng N sử dụng đúng diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 238m², không lấn chiếm với gia đình ông Nguyễn Xuân V. Tuy nhiên, ông V vẫn tranh chấp đất đai với chị N ngăn cản chị N thực hiện quyền sử dụng hợp pháp của người sử dụng đất theo quy định của luật đất đai như mua bán, chuyển nhượng...

Ủy ban nhân dân xã A đã tổ chức buổi hòa giải tranh chấp đất đai giữa chị Đỗ Hằng N và ông Nguyễn Xuân V nhưng đều không thành.

Vì vậy, chị Đỗ Hằng N khởi kiện ông Nguyễn Xuân V đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 2 – Hải Phòng xem xét, giải quyết: Buộc ông Nguyễn Xuân V chấm dứt

việc tranh chấp đất đai với chị Đỗ Hằng N, không được ngăn cản chị N thực hiện quyền của người sử dụng đất đai đối với thửa đất số: 206 A1+235, tờ bản đồ số: 195-D-IV, diện tích đất: 238m², địa chỉ: Khu H, thị trấn A, huyện A (nay là xã A), TP Hải Phòng.

Về chi phí thẩm định tài sản: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết

Tại đơn đề nghị, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 12 tháng 3 năm 2026, bị đơn là ông Nguyễn Xuân V và người đại diện theo ủy quyền của ông V trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất ông có đơn đề nghị UBND xã A giải quyết tranh chấp đất đai với chị Đỗ Hằng N là của mẹ ông cụ Phạm Thị X để lại (cụ X đã chết năm 2022). Khi mẹ ông còn sống đã bán đất cho bà Vũ Hồng C như thế nào thì ông không biết. Diện tích đất trên là của cụ X không liên quan đến ông. Năm 2025, ông chuyển về sống chung với em gái ông là Nguyễn Thị Đ thì nghe bà Đ nói lại việc tranh chấp đất giữa gia đình ông và chị N nên ông đã làm đơn khiếu lại tranh chấp đất đai đến UBND xã A. UBND xã A đã báo ông đến để giải quyết. Ông xác định việc ông làm đơn khiếu lại tranh chấp đất ngăn cản quyền sử dụng đất của N đối với thửa đất số: 206 A1+235, tờ bản đồ số: 195-D-IV, diện tích đất: 238m², địa chỉ: Khu H, thị trấn A, huyện A (nay là xã A), TP Hải Phòng là không đúng. Vì ông không liên quan gì đến thửa đất trên. Thửa đất trên do em gái ông sử dụng phần diện tích đất còn lại của mẹ ông còn chị N quản lý thửa đất của chị N. Ông không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác có liên quan đến thửa đất mang tên mẹ ông và thửa đất chị N đang khởi kiện ông.

Ông Đỗ Công H, bà Vũ Hồng C trình bày:

Vào ngày 10/8/2023, ông Đỗ Công H, bà Vũ Hồng C đã đồng ý tặng cho con gái là Đỗ Hằng N với thửa đất số: 206 A1+235, tờ bản đồ số: 195-D-IV, diện tích đất: 238m², mục đích sử dụng đất ở, nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, địa chỉ: Khu H, thị trấn A, huyện A (nay là xã A), thành phố Hải Phòng. Việc tặng cho được tiến hành vào ngày 10/8/2023 tại trụ sở Phòng C1 thành phố Hải Phòng, số công chứng: 3409/CNĐ-ĐNV, quyển số 02/TP/CC-SCC/HĐGD. Chị N đã đồng ý nhận toàn bộ quyền sử dụng thửa đất nêu trên và được quyền đứng tên chủ sử dụng đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Điều 1 của hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Sau khi được tặng cho, chị N đã tiến hành thực hiện quyền và nghĩa vụ của bên được tặng cho theo Điều 3 của hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nhưng không thể thực hiện được bởi lý do là ông Nguyễn Xuân V có những hành vi cản trở, ngăn cản không cho chị N thực hiện quyền sử dụng đất làm đơn khiếu lại đến UBND xã A tranh chấp đất đai với chị N. Chị N cũng đã nhờ chính quyền địa phương xã A hòa giải nhưng không thành. Để đảm bảo quyền lợi, chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Xuân V phải chấm dứt mọi hành vi cản trở việc thực hiện quyền sử dụng diện tích đất mà vợ chồng ông bà đã tặng cho. Quan điểm của ông bà thống nhất với yêu cầu của chị N, đề nghị Tòa án giải quyết

buộc ông Nguyễn Xuân V phải chấm dứt mọi hành vi cản trở quyền sử dụng đất hợp pháp của chị N thực hiện quyền và nghĩa vụ của bên được tặng cho đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 163; 164; 169 của Bộ luật dân sự; Điều 11; Điều 26; Điều 27 của Luật Đất đai năm 2024; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Xuân V phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng diện tích đất 238m2 tại thửa đất số: 206 A1+235, tờ bản đồ số: 195-D-IV, diện tích đất: 238m², địa chỉ: Khu H, thị trấn A, huyện A (nay là xã A), TP Hải Phòng thuộc quyền sử dụng hợp pháp đất của chị Đỗ Hằng N.

Về án phí: Ông V là người cao tuổi được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho chị Đỗ Hằng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với người thực hiện quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Nguyễn Xuân V có nơi cư trú tại: Số E, N, xã A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải phòng.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn là chị Đỗ Hằng N yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Xuân V phải chấm dứt việc tranh chấp đất đai với chị Đỗ Hằng N, không được ngăn cản chị N thực hiện quyền của người sử dụng đất đai đối với thửa đất số: 206 A1+235, tờ bản đồ số: 195-D-IV, diện tích đất: 238m², địa chỉ: Khu H, thị trấn A, huyện A (nay là xã A), TP Hải Phòng.

Tài liệu điều tra, xác minh, thu thập tại Chi nhánh văn phòng Đ, Ủy ban nhân dân xã A, TP . thể hiện: Về nguồn gốc thửa đất ngày 24/6/2011, Ủy ban nhân dân huyện A đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 138643, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00062/AL

mang tên Vũ Hồng C, thửa đất số: 206 A1+235, tờ bản đồ số: 195-D-IV, diện tích đất: 238m², nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng đất ở, ghi chú: Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị X; địa chỉ: Khu H, thị trấn A, huyện A (nay là xã A), TP .. Đến ngày 10/8/2023 tại Phòng C2 - TP . ông Vũ Công H1, bà Vũ Hồng C là bố mẹ chị N đã lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số: 206 A1+235, tờ bản đồ số: 195-D-IV cho chị N toàn bộ thửa đất trên. Sau khi được tặng cho, chị N đã làm các thủ tục pháp lý liên quan đến thửa đất theo quy định. Ngày 07/11/2023 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện A đã chỉnh lý biến động tại phần những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 138643 tặng cho chị N theo hồ sơ số 000396.TA.001. Quá trình thực hiện quyền của người sử dụng đất của chị N, ông Nguyễn Xuân V đã có hành vi làm đơn khiếu lại về việc tranh chấp đất đai với chị N gây cản trở việc chị N thực hiện có quyền năng của chủ sử dụng đất như mua bán, chuyển nhượng. Chị N đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã A giải quyết. Ủy ban nhân dân xã đã tiến hành hòa giải theo cung cấp của cán bộ địa chính kết quả do Công ty cổ phần Đ1 bản đồ và K đo vẽ diện tích đất bà Phạm Thị X đang sử dụng là 521,8m2 lớn hơn diện tích đất được Nhà nước cấp, buổi hòa giải giữa chị N và ông V không thành.

Xét tài liệu phía nguyên đơn cung cấp thấy: Nguồn gốc diện tích đất 238m^2 tại thửa số : 206 A1+235, tờ bản đồ số: 195-D-IV, diện tích đất: 238m², có nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng đất ở, ghi chú: Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị X và đã được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 138643, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00062/AL do Ủy ban nhân dân huyện A cấp mang tên Vũ Hồng C. Ngày 10/8/2023, ông Vũ Công H1 và bà Vũ Hồng C đã làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất có diện tích 238m2 nêu trên cho chị Đỗ Hằng N. Ngày 07/11/2023 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện A đã chỉnh lý biến động tặng cho chị Đỗ Hằng N thửa đất trên.

Xét Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng: 3490/CNĐ-ĐNV, quyển số: 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10 tháng 8 năm 2023 được lập tại Phòng C1, TP . thấy: Việc ký kết hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là ông Đỗ Công H và vợ là bà Vũ Hồng C với bên được tặng cho là chị Đỗ Hằng N là tự nguyện, hình thức và nội dung các điều khoản trong các hợp đồng nêu trên phù hợp quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội và được công chứng theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất đang tranh chấp thể hiện thửa đất thửa đất số: 206 A1+235, tờ bản đồ số: 195-D-IV có diện tích 238m2 trên đất có 01 tường bao (ba cạnh) xây ba banh theo đương sự cung cấp do gia đình chị N xây dựng.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định: Nguồn gốc thửa số 206 A1+235, tờ bản đồ số: 195-D-IV, diện tích đất: 238m², địa chỉ: Khu H, thị trấn A, huyện A (nay là xã A), TP . thuộc quyền sử dụng của ông Vũ Công H1 và bà Vũ Hồng C. Năm 2023, ông H1, bà C đã tặng cho con gái là chị Đỗ Hằng N. Việc tặng cho trên cơ sở tự nguyện, được lập thành văn bản và có công chứng nên có đủ cơ sở khẳng định chị Đỗ Hằng N có quyền sử dụng hợp pháp thửa đất nêu trên.

Quá trình tố tụng ông Nguyễn Xuân V thừa nhận ông V có hành vi làm đơn khiếu lại tranh chấp đất đai với chị N là không đúng vì ông không tranh chấp, liên quan gì đến thửa đất của cụ X cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác có liên quan đến thửa đất mang tên mẹ ông là cụ X và thửa đất chị N đang khởi kiện ông. Việc ông V có hành vi làm đơn khiếu lại tranh chấp đất đai đề nghị ủy ban nhân dân xã A giải quyết liên quan đến thửa đất nêu trên là hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền của người sử dụng đất của chị N, xâm phạm đến các quyền năng của chủ sử dụng hợp pháp quyền sử dụng đất được pháp luật đất đai quy định và bảo vệ.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ pháp lý chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Nguyễn Xuân V phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng diện tích đất 238,0m2 tại thửa số : 206 A1+235, tờ bản đồ số: 195-D-IV, địa chỉ: Khu H, thị trấn A, huyện A (nay là xã A), thành phố Hải Phòng thuộc quyền sử dụng hợp pháp đất của chị Đỗ Hằng N là phù hợp với quy định tại các điều 163; 164; 169 của Bộ luật Dân sự; Điều 11; Điều 26; Điều 27 của Luật Đất đai năm 2024.

[5] Về chi phí thẩm định tài sản: Nguyên đơn tự nguyện chịu không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa, bà Đ đề nghị Tòa án xem xét việc gia đình bà không mua bán đất cho ông N1 và chỉ bán đất theo chiều dài không bán đất theo diện tích cho bà C. Đối với yêu cầu này bà Đ có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác khi có đủ căn cứ chứng minh.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, nộp án phí Tòa án thì ông Nguyễn Xuân V là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn do pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147;157,165 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 163; 164; 169 của Bộ luật dân sự; Điều 11; Điều 26;

Điều 27 của Luật Đất đai năm 2024; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Xuân V phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng diện tích đất 238,0m2 tại thửa số: 206 A1+235, tờ bản đồ số: 195-D-IV, địa chỉ: Khu H, thị trấn A, huyện A (nay là xã A), thành phố Hải Phòng thuộc quyền sử dụng hợp pháp đất của chị Đỗ Hằng N.

2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân V được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại chị Đỗ Hằng N số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0005997 ngày 07/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố H).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKS ND Khu vực 2 - Hải Phòng;
- Các đương sự;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương